

## SOẠN BÀI NGỮ VĂN LỚP 8

### CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT) –KÌ 1

#### **Câu 1:**

Từ ngữ toàn dân – từ ngữ địa phương:

1: cha – bố, cha, ba

2: Mẹ - mẹ, má

3: ông nội – ông nội

4: Bà nội – bà nội

5: ông ngoại – ông ngoại, ông vãi

6: Bà ngoại – bà ngoại, bà vãi

7: bác (anh trai cha): bác trai

8: bác (vợ anh trai của cha): bác gái

9: Chú (em trai của cha): chú

10. Thím (vợ của chú): thím

11. bác (chị gái của cha): bác

12. bác (chồng chị gái của cha): bác

13. cô (em gái của cha): cô

14. chú (chồng em gái của cha): chú

15. bác (anh trai của mẹ): bác

16. bác (vợ anh trai của mẹ): bác

17. cậu (em trai của mẹ): cậu

18. mợ (vợ em trai của mẹ): mợ

19. bác (chị gái của mẹ): bác
20. Bác (chồng chị gái của mẹ): bác
21. dì (em gái của mẹ): dì
22. chú (chồng em gái của mẹ): chú
23. anh trai: anh trai
24. chị dâu: chị dâu
25. em trai : em trai
26. em dâu (vợ của em trai): em dâu
27. chị gái: chị gái
28. anh rể (chồng của chị gái): anh rể
29. em gái: em gái
30. em rể: em rể
31. con : con
32. con dâu (vợ con trai): con dâu
33. con rể (chồng của con gái): con rể
34. cháu (con của con): cháu, em.

**Câu 2:** Tìm các từ xưng hô địa phương khác.

Ví dụ: tui (tôi), tau (tao), hấn (hấn), bọ, thầy, tía (bố), bầm, mế, má (mẹ),...

**Câu 3:**

- Em về thưa mẹ cùng thầy,  
Cho anh cưới tháng này anh ra.  
Anh về thưa mẹ cùng cha,  
Bắt lợn sang cưới, bắt gà sang cheo.  
- Ân cha nghĩa mẹ chưa đền,  
Bậu mong ôm gói cuộn mền theo ai ?  
- Đói lòng ăn nắm lá sung  
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.

Một thuyền một lái chẳng xong  
Một chĩnh đôi gáo còn nong tay nào.



Chương trình địa phương  
Phân Tiếng Việt